

NGHIÊN CỨU CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN ĐÓNG GÓP TỪ THIỆN Ở VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ NHUNG*
NGUYỄN VĂN BÌNH**

Từ thiện và các động lực thúc đẩy hoạt động này là một chủ đề đầy tính tranh luận đối với các nhà khoa học trong nhiều lĩnh vực khác nhau từ nhân học, tâm lý học, kinh tế học, xã hội học. Nghiên cứu tìm hiểu mức độ tham gia từ thiện của người dân và các yếu tố tác động dựa trên dữ liệu điều tra định lượng và định tính vào năm 2022 tại bốn tỉnh/thành phố của Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy: 1) Tỷ lệ người dân có tham gia hoạt động từ thiện chiếm số lượng tương đối cao (60,7%) tuy có sự khác biệt giữa các vùng miền, trong đó An Giang là tỉnh có tỷ lệ tham gia đóng góp từ thiện cao nhất; 2) Sự khác biệt về văn hóa - xã hội của mỗi địa phương như quy ước trong các tương tác, trao đổi xã hội đã đưa đến việc từ thiện của các vùng miền có sự khác nhau. 3) Tôn giáo, đặc biệt là Phật giáo Hòa Hảo có tác động mạnh đến việc tham gia hoạt động từ thiện của người dân.

Từ khóa: từ thiện, tương trợ xã hội, văn hóa địa phương, Việt Nam

Nhận bài ngày: 26/9/2023; *đưa vào biên tập:* 28/9/2023; *phản biện:* 10/11/2023; *duyet đăng:* 15/11/2023

1. DẪN NHẬP

Từ năm 2010, Việt Nam đã vươn lên trở thành một nước có thu nhập trung bình, nhiều nhà tài trợ quốc tế đã giảm dần hỗ trợ phát triển cho Việt Nam để chuyển hướng hỗ trợ cho các nước kém phát triển hơn (Nguyen & Doan, 2015: 474). Bối cảnh này không

những làm gia tăng số lượng các quỹ xã hội/từ thiện (HPDF, 2020) mà còn khiến họ phải liên tục đổi mới, sáng tạo trong các phương thức tổ chức, truyền thông, gây quỹ... để đảm bảo nguồn lực thực hiện các dự án. Tuy nhiên, từ thiện không phải là một hành vi kinh tế đơn thuần vì thế khi nghiên cứu dù ở góc độ nào cũng không thể bóc tách từ thiện ra khỏi không gian văn hóa - xã hội mà nó thuộc về. Ở một chừng mực nào đó hành động từ

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

** Quỹ Từ thiện Kim Oanh.

thiện cũng được quy ước bởi những động lực từ cá nhân, hay văn hóa - xã hội khác nhau góp phần hình thành nên các bản sắc riêng biệt của cá nhân, cộng đồng và dân tộc.

Nghiên cứu phân tích hoạt động từ thiện từ góc nhìn của những quy ước về mặt văn hóa, những tương tác mang tính cộng đồng - xã hội và đặc biệt là đặc trưng về hoạt động từ thiện sẽ được khơi thông từ những tư tưởng địa phương. Qua nghiên cứu các yếu tố tác động, hoạt động đóng góp từ thiện được phân tích ở nhiều cấp độ khác nhau, từ những hành vi mang tính cá nhân đến việc phác họa bản sắc trong văn hóa từ thiện của mỗi cộng đồng/vùng miền, mỗi thế hệ khác nhau trong bối cảnh xã hội Việt Nam đương đại.

2. KHÁI NIỆM SỬ DỤNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Định nghĩa khái niệm từ thiện và đóng góp từ thiện

Có thể nói, cuộc tranh luận đầu tiên, phổ biến và kéo dài nhất trong các dòng nghiên cứu về từ thiện phải kể đến là cuộc tranh luận về khái niệm và động cơ của dòng quà tặng từ thiện. Về mặt khái niệm, định nghĩa về hoạt động từ thiện đã được các học giả công nhận là đa dạng, không được kiểm chứng và không ổn định về mặt bản chất. Trong một thời gian, hoạt động từ thiện đã từng thường được hiểu là “tình yêu của nhân loại”, nhưng gần đây, thuật ngữ này đã được dùng để chỉ trong học thuật về “sự cống hiến thời gian và nguồn lực của cá

nhân cho các mục đích công cộng” (Salamon, 1992; như trích dẫn ở Barman, 2017: 273). Mặc dù định nghĩa này còn khá rộng nhưng nó có thể dùng để phân biệt hoạt động từ thiện với các phương thức trao đổi khác, cụ thể như các hành vi mang tính bắt buộc của việc tham gia đóng góp vào khu vực công, những kỳ vọng đền bù kinh tế của hoạt động trong thị trường (Sulek, 2010; Daly, 2012; như trích dẫn ở Barman, 2017: 273). Ngoài ra, hoạt động từ thiện nhấn mạnh đến việc hướng đến lợi ích chung nên cũng dễ dàng để phân biệt với các hành vi trợ giúp cho gia đình hay bạn bè... (Daly, 2012; Simpson & Willer 2015; như trích dẫn ở Barman, 2017: 273). Nhiều nghiên cứu về sau này đã phớt lờ đi trong việc xây dựng một định nghĩa về hoạt động từ thiện vốn dĩ không thể thống nhất, thay vào đó các học giả bắt đầu phân tích nhiều khía cạnh cụ thể hơn của hoạt động từ thiện. Tuy nhiên, từ thực tế cho đến học thuật đã thừa nhận rằng không thể cố gắng thống nhất một khái niệm vốn đa dạng như khái niệm về từ thiện nhưng cũng không phải vì vậy mà dừng lại hay phớt lờ trong việc tìm hiểu những định nghĩa về từ thiện. Những định nghĩa về từ thiện vẫn là một trong những yếu tố rất quan trọng quyết định nên sự phổ biến của hoạt động từ thiện, quyết định nên đặc trưng của mô hình hoạt động từ thiện ở mỗi nhóm khác nhau, ở mỗi cộng đồng khác nhau. Đặc biệt, một nghiên cứu về từ thiện không thể không đề cập tới sự ảnh

hưởng của các tư tưởng bản địa về từ thiện. Nó là một nhân tố tham chiếu quan trọng cho việc phân tích hành vi từ thiện của một cá nhân lẫn đặc trưng của một cộng đồng. Vì vậy trong nghiên cứu này khái niệm về từ thiện

sẽ được chính mỗi cộng đồng phác thảo nên hay có thể nói các đo lường về hoạt động từ thiện của nghiên cứu này đều dựa theo những quy ước văn hóa - xã hội của mỗi cộng đồng.

Bảng 1. Quan điểm của người dân về từ thiện

		An Giang	Hà Nội	Quảng Bình	TPHCM	Tổng số
Hoạt động hiến tặng, quyên góp bằng tiền, vật chất... giúp đỡ trực tiếp những người đang gặp khó khăn	N	171	151	154	159	635
	%	94,0	92,6	95,1	99,4	95,2
Hoạt động hiến tặng, quyên góp bằng tiền, vật chất,... đến các tổ chức từ thiện nhằm mục đích nhân đạo	N	46	70	62	63	241
	%	25,3	42,9	38,3	39,4	36,1
Dành thời gian làm việc cho các tổ chức từ thiện	N	23	40	44	63	170
	%	12,6	24,5	27,2	39,4	25,5
Tất cả những hành động tử tế hàng ngày (biết quan tâm, chia sẻ, an ủi người khác khi gặp khó khăn)	N	53	77	82	82	294
	%	29,1	47,2	50,6	51,3	44,1
Những hành động truyền cảm hứng, ủng hộ những giá trị tốt đẹp	N	5	16	13	17	51
	%	2,7	9,8	8,0	10,6	7,6
Tổng số	N	182	163	162	160	667
	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

Ghi chú: 4 trường hợp không có thông tin.

Nguồn: Số liệu khảo sát năm 2022.

Hiểu một cách chung nhất, từ thiện bao hàm tất cả sự cống hiến có thể là thời gian, vật chất hay nguồn lực khác của cá nhân cho các mục đích công cộng (Salamon, 1992, như trích dẫn ở Barman, 2017: 273). Đặc biệt, người dân phần lớn đã quy ước từ thiện không bao hàm trong đó các khoản tham gia đóng góp vào khu vực công hoặc các hoạt động trợ giúp trong thân tộc, gia đình, bạn bè, hay sự trợ giúp giữa những thành viên trong cùng một hội/nhóm,...

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng một phần dữ liệu điều tra định lượng và định tính của đề tài “Từ thiện: Tiếp nối và phát triển bản sắc văn hóa địa phương trong xã hội Việt Nam đương đại”⁽¹⁾. Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 3 đến tháng 12 năm 2022, trải dài ở cả 3 vùng địa lý (Bắc, Trung, Nam) của Việt Nam.

Về nguồn dữ liệu định lượng, địa bàn nghiên cứu được chọn một cách có chủ đích bốn tỉnh, thành: Hà Nội, Quảng Bình, TPHCM và An Giang nhằm tìm hiểu những khác biệt trong

văn hóa từ thiện giữa các vùng miền trong một cách nhìn tổng thể chung cả nước. Trong đó, Hà Nội là cộng đồng mang đặc trưng của văn hóa khu vực Bắc Bộ, Quảng Bình là khu vực mang đặc trưng của văn hóa Trung Bộ, cuối cùng là TPHCM và An Giang đại diện cho văn hóa Nam Bộ. Ngoài ra, Quảng Bình là một trong các tỉnh/thành hàng năm chịu nhiều ảnh hưởng của thiên tai, lũ lụt và tiếp nhận rất nhiều nguồn từ thiện từ các nơi trên cả nước. Việc lựa chọn An Giang là một tỉnh của Nam Bộ xuất phát từ lý do đây là nơi phát khởi của nhiều tôn giáo bản địa có hoạt động từ thiện mạnh mẽ như Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo. Mẫu nghiên cứu này sẽ giúp tìm hiểu sâu hơn sự chi phối của yếu tố tôn giáo trong hoạt động từ thiện.

Tại mỗi tỉnh/thành phố, nghiên cứu phân bố mẫu theo đặc trưng nông thôn và đô thị, cụ thể tại mỗi tỉnh chọn 1 quận/thành phố trung tâm và 1 huyện ngoại thành. Tại mỗi quận/thành phố, chọn 1 phường đại diện cho yếu tố thành thị và tại mỗi huyện, chọn 1 xã đại diện cho yếu tố nông thôn. Ở mỗi phường/xã, nghiên cứu chọn ngẫu nhiên 1 thôn/ấp từ danh sách được cung cấp của phường/xã. Tại mỗi ấp, 70 hộ gia đình được chọn khảo sát theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống bằng bước nhảy K⁽²⁾. Cuối cùng, nghiên cứu phỏng vấn trực tiếp tất cả những cá nhân từ 16 đến 30 tuổi và 1 cá nhân trong độ tuổi 31 - 75 tuổi hiện đang chung sống trong hộ gia đình để tìm hiểu nhận thức và hành vi của các thể hệ khác nhau về hoạt động từ thiện.

Bảng 1. Mẫu nghiên cứu

Tỉnh	Quận/huyện	Phường/xã ⁽³⁾	Số hộ	Cá nhân
An Giang	Chợ Mới	Xã NTAG	70	89
	Thành phố Long Xuyên	Phường TTAG	70	94
Hà Nội	Đông Anh	Xã NTHN	70	86
	Thanh Xuân	Phường TTHN	70	78
Quảng Bình	Lệ Thủy	Xã NTQB	70	82
	Thành phố Đồng Hới	Phường TTQB	70	80
TPHCM	Củ Chi	Xã NTTTPHCM	70	78
	Phú Nhuận	Phường TTTTPHCM	70	84
4 tỉnh	4 quận/huyện	8 phường/xã	560 hộ gia đình	671 cá nhân

Nguồn: Số liệu khảo sát năm 2022.

Về nguồn dữ liệu định tính, nghiên cứu tiến hành: 32 cuộc phỏng vấn sâu (PVS) nhóm cư dân, mỗi xã 2 PVS với nhóm 16 - 30 tuổi và 2 PVS với nhóm từ 31 đến 75 tuổi để tìm hiểu sự khác

biệt về mặt nhận thức và hành vi giữa các nhóm tuổi trong hoạt động từ thiện; 16 cuộc PVS dành cho cán bộ địa phương nhằm đánh giá tình hình hoạt động, hiệu quả của các đoàn thể

xã hội, bao gồm Mặt trận và Hội Chữ thập đỏ; 18 cuộc PVS các tổ chức từ thiện đang hoạt động tại các địa phương để tìm hiểu có sự khác biệt nào về đặc trưng và xu hướng làm từ thiện giữa các tổ chức từ thiện (tôn giáo, nhóm tự phát, tổ chức phi chính phủ). Tại mỗi tỉnh, PVS các tổ chức từ thiện được phân bổ như sau: 2 PVS được thực hiện cho các nhóm từ thiện xuất phát từ các tổ chức tôn giáo, 2 PVS được thực hiện cho các nhóm từ thiện tự phát, tại Hà Nội và TPHCM, mỗi nơi thực hiện phỏng vấn đại diện 1 tổ chức phi lợi nhuận.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc trưng các cộng đồng nghiên cứu

Nghiên cứu điều tra 560 hộ gia đình với tổng cá nhân được phỏng vấn trực tiếp là 671 người. Hai xã/phường ở tỉnh An Giang có số người được khảo

sát theo Phật giáo khá cao (trên 86%) và phần lớn là Phật giáo Hòa Hảo (PGHH); các xã NTHN, NTQB và TTQB có tỷ lệ người được khảo sát không có niềm tin tôn giáo trên 80%, và xã TTHN cũng tương tự ở mức 70,1%. TPHCM là nơi có khoảng 50% người được khảo sát có niềm tin tôn giáo.

Người được khảo sát ở 5 xã/phường NTAG, xã TTAG, NTHN, NTQB, TTQB hầu hết là cư dân tại chỗ; các xã còn lại TTHN, NTPHCM, TTTPHCM có khoảng một nửa số người được khảo sát là cư dân ở các tỉnh/thành khác nhập cư đến.

Xã NTQB là một trong sáu xã vùng trung của huyện Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình, thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai. Đợt lũ lụt lịch sử năm 2020, các hoạt động từ thiện của các tổ chức/cá nhân khắp nơi đã hỗ trợ cho người dân tại địa bàn.

Bảng 2. Tỷ lệ có niềm tin tôn giáo và nguyên quán chia theo địa bàn nghiên cứu

			Tôn giáo				Nguyên quán		
			Không tôn giáo	Phật giáo/ Phật giáo Hòa Hảo	Tôn giáo khác	Tổng số	Tại tỉnh	Tỉnh/ thành khác	Tổng số
An Giang	Xã NTAG, Chợ mới	N	15	226	14	255	236	19	255
		%	5,9	88,6	5,5	100	92,5	7,5	100
	Phường TTAG, Long Xuyên	N	29	249	9	287	250	37	287
		%	10,1	86,8	3,1	100	87,1	12,9	100
Hà Nội	Xã NTHN, Đông Anh	N	291	62	0	353	333	20	353
		%	82,4	17,6	0,0	100	94,3	5,7	100
	Phường TTHN, Thanh Xuân	N	204	75	8	287	129	158	287
		%	71,1	26,1	2,8	100	44,9	55,1	100
Quảng Bình	Xã NTQB, Lệ Thủy	N	268	30	0	298	297	1	298
		%	89,9	10,1	0,0	100	99,7	0,3	100

	Phường TTQB, Đồng Hới	N	268	24	0	292	284	8	292
		%	91,8	8,2	0,0	100	97,3	2,7	100
TPHCM	Xã NTTPCM, Củ Chi	N	126	146	15	287	132	155	287
		%	43,9	50,9	5,2	100	46,0	54,0	100
	Phường TTTPHCM, Phú Nhuận	N	68	167	55	290	163	127	290
		%	23,4	57,6	19,0	100	56,2	43,8	100

Nguồn: Số liệu khảo sát năm 2022.

Kết quả điều tra cho thấy có 83% (557/671) số người được khảo sát có đóng góp cho các hoạt động từ thiện, các hoạt động trợ giúp cộng đồng nói chung cho bất kỳ một tổ chức/cá nhân hay bản thân tự làm từ thiện trong một năm qua. Có thể thấy, người dân Việt Nam tham gia nhiều vào hoạt động từ thiện, hoạt động trợ giúp cộng đồng, xã hội nói chung. Các tổ chức/cá nhân mà người được hỏi đã đóng góp bao gồm: tổ chức nhà nước, chính quyền địa phương, tư nhân, phi chính phủ, tổ chức tôn giáo, hội, nhóm, câu lạc bộ, bạn bè, đồng nghiệp, cá nhân, mạnh thường quân, nhà trường, cơ quan làm việc, youtuber, tiktoker, người nổi tiếng, hàng xóm, các nhóm từ thiện tự phát hoặc cá nhân từ thiện. Việc đóng góp từ thiện bao gồm đóng góp tiền, ngày công (làm đường, cầu, làm nhà, nấu ăn, lái xe miễn phí...), tham gia làm tình nguyện viên/tham gia cùng hoạt động từ thiện, đóng góp lương thực thực phẩm, nguyên vật liệu, vận động người thân, bạn bè cùng tham gia từ thiện, chia sẻ nâng cao kiến thức cho người khác, an ủi, truyền thêm động lực để người khác sống tốt hơn, hiến máu, đóng góp thuốc, vật tư y tế, dụng cụ học tập... Tuy nhiên, việc

đóng góp cho tổ chức nhà nước và chính quyền địa phương, theo khảo sát ý kiến của người dân thì đây là sự đóng góp để thể hiện trách nhiệm công dân. Nếu trừ ra các khoản đóng góp vào khu vực công này hoặc các hoạt động trợ giúp trong thân tộc, gia đình, bạn bè, hay sự trợ giúp giữa những thành viên trong cùng một hội/nhóm,... thì số liệu cho thấy có 60,7% (407/671) số người trả lời có tham gia đóng góp từ thiện trong một năm qua.

Bảng 3. Số người có đóng góp từ thiện trong một năm qua

	Số người	%
Không tham gia đóng góp từ thiện	264	39,3
Có tham gia đóng góp từ thiện	407	60,7
Tổng số	671	100,0

Nguồn: Số liệu khảo sát năm 2022.

3.2. Các yếu tố tác động đến quyết định làm từ thiện phân tích trên bình diện chung

Các nghiên cứu về từ thiện thường tập trung vào các đặc điểm, tính cách và vai trò của các chủ thể nhằm giải thích tại sao một số người quyên góp tiền bạc, thời gian hoặc các tài nguyên

của họ cho hoạt động từ thiện nhưng những người khác thì không. Trong cách tiếp cận ở cấp độ vi mô, các nhà nghiên cứu xác định các yếu tố chính quyết định việc thực hiện hoạt động từ thiện như yếu tố niềm tin tôn giáo, giới, độ tuổi, học vấn, việc làm, thu nhập đối với các loại chủ thể khác nhau như cá nhân, gia đình và tổ chức (Sokolowski, 1996). Trong bài viết này, ngoài việc tiếp tục phân tích dưới góc độ vi mô, chúng tôi còn đề cập đến các yếu tố văn hóa - xã hội địa phương, đặc biệt nhấn mạnh đến những quy ước trong các tương tác, trao đổi xã hội trong cộng đồng địa phương.

Để tìm hiểu các yếu tố vi mô (cá nhân, gia đình) hay yếu tố vĩ mô (đặc trưng

văn hóa vùng miền) nào có ảnh hưởng đến việc đóng góp từ thiện của cư dân, chúng tôi xây dựng mô hình hồi quy đa biến với các biến số độc lập để tìm hiểu sự ảnh hưởng của các yếu tố đến quyết định làm từ thiện.

Biến số phụ thuộc: Có/không đóng góp từ thiện của cá nhân trong một năm.

Biến số độc lập: Bao gồm 11 biến và được chia làm bốn nhóm chính: 1) yếu tố vùng miền, 2) yếu tố cá nhân và hộ gia đình, 3) định nghĩa về từ thiện, 4) thiên hướng cá nhân (bẩm sinh hoặc do văn hóa, bao gồm lĩnh vực quan tâm, tính cách và chi tiêu ưu tiên), được miêu tả cụ thể từ Bảng 4 bên dưới.

Bảng 4. Bảng miêu tả thống kê các biến số

Các biến số	Các giá trị	N	%
Biến số phụ thuộc: Exp(B): Tỷ suất của nhóm 'không quyên góp từ thiện' so với nhóm 'quyên góp từ thiện'			
Có/không đóng góp từ thiện	Không quyên góp	264	39,3
	Có quyên góp	407	60,7
Biến số độc lập			
Tỉnh/thành	An Giang	183	27,3
	Hà Nội	164	24,5
	Quảng Bình	162	24,1
	TPHCM	162	24,1
Khu vực	Thành thị	336	50,1
	Nông thôn	335	49,9
Giới	Nam	249	37,1
	Nữ	422	62,9
Học vấn	Mù chữ và cấp 1	128	19,1
	Cấp 2	217	32,3
	Cấp 3	200	29,8
	Đại học	126	18,8

Nhóm tuổi	16 - 30 tuổi	114	17,0
	31 - 59 tuổi	370	55,1
	60+ tuổi	187	27,9
Nhóm thu nhập	Nhóm thấp nhất	251	37,4
	Nhóm trung bình	223	33,2
	Nhóm cao nhất	197	29,4
Tôn giáo	Không tôn giáo	330	49,2
	Có tôn giáo	341	50,8
Định nghĩa về từ thiện	Trực tiếp	419	62,5
	Gián tiếp	123	18,3
	Tinh thần	129	19,2
Lĩnh vực quan tâm	Kinh tế	472	70,3
	Xã hội	199	29,7
Tính cách	Công khai	320	47,7
	Âm thầm	351	52,3
Chi tiêu ưu tiên	Dự phòng	420	62,6
	Làm từ thiện	251	37,4

Nguồn: Số liệu khảo sát năm 2022.

Sau khi kiểm soát của nhiều biến số độc lập, mô hình hồi quy binary logistic cho kết quả các biến số độc lập có ảnh hưởng đến việc đóng góp từ thiện của cá nhân trong một năm gồm: vùng miền, trình độ học vấn, giới, nhóm thu nhập, niềm tin tôn giáo, định

nghĩa về từ thiện, lĩnh vực quan tâm (kinh tế, xã hội); các biến số độc lập không ảnh hưởng đến biến phụ thuộc gồm: thành thị - nông thôn, tuổi, việc làm, tính cách, chi tiêu ưu tiên (Bảng 5).

Bảng 5. Mô hình hồi quy binary logistic xem xét các yếu tố đối với tỷ suất có hay không đóng góp từ thiện trong một năm

	Exp(B)	Sig.
Quảng Bình	,473	,023
Hà Nội	,471	,020
TPHCM	,617	,081
An Giang	Nhóm đối chiếu (NĐC)	NĐC
Thành thị - nông thôn	1,060	,749
Cấp 2	1,002	,993
Cấp 3	1,557	,127
Đại học và trên đại học	2,149	,029
Cấp 1 và mù chữ	NĐC	NĐC
Giới	1,683	,005

Nhóm thu nhập trung bình	1,697	,013
Nhóm thu nhập cao nhất	2,068	,003
Nhóm thu nhập thấp nhất	NĐC	NĐC
Nhóm tuổi 31 - 59	,718	,249
Nhóm tuổi 60+	,683	,218
Nhóm tuổi 16 - 30	NĐC	NĐC
Niềm tin tôn giáo	2,090	,002
Lãnh đạo	,675	,263
Nhân viên	1,053	,873
Lao động phổ thông/nông dân	,842	,551
Không việc làm	,793	,441
Buôn bán dịch vụ	NĐC	NĐC
Gián tiếp	1,790	,015
Tinh thần	2,056	,002
Trực tiếp	NĐC	NĐC
Kinh tế/xã hội	1,972	,001
Âm thầm/công khai	1,389	,065
Dự phòng/làm từ thiện	,746	,111
N= 671, Cox & Snell R Square = 0,154, Nagelkerke R Square = 0,209		

Nguồn: Số liệu khảo sát năm 2022.

3.2.1. Yếu tố vùng miền

Kết quả phân tích (Bảng 5) chỉ ra rằng có sự khác biệt về đóng góp từ thiện giữa An Giang với Hà Nội và Quảng Bình nhưng không có khác biệt với TPHCM. Cụ thể là ở Hà Nội và Quảng Bình, người dân đóng góp từ thiện ít hơn ở An Giang. Điều này có thể lý giải từ nhiều góc độ về điều kiện sống và kinh tế - xã hội. Từ góc nhìn văn hóa, ở Hà Nội và Quảng Bình, trong các mối quan hệ, mối quan hệ gia đình, họ hàng là quan trọng nhất sau đó là đến làng/xã và cuối cùng mới đến bên ngoài làng/xã (Trần Từ, 1984; Phan Đại Doãn, 2008), do đó quan niệm về việc làm từ thiện của người dân cũng chú trọng đến gia đình, họ hàng và làng/xã hơn người bên ngoài

làng/xã. Ngược lại, ở vùng đất Nam Bộ như An Giang, không gian làng xã cởi mở hơn (Ngô Văn Lệ, 2010), bên cạnh gia đình, dòng họ, họ đã chủ động mở rộng hoạt động từ thiện ra bên ngoài. Tư liệu định tính của nghiên cứu cũng cho thấy sự khác biệt giữa các vùng miền trong đóng góp từ thiện. Trong nhiều phỏng vấn sâu, có ý kiến của người dân ở Hà Nội và Quảng Bình đồng ý rằng người Nam Bộ làm từ thiện nhiều hơn Bắc Bộ và Trung Bộ.

[...] Ở ngoài Bắc này là bố mẹ phải lo cho con rồi con lại tiếp tục lo cho con của nó, nước mắt chảy xuôi mà. [...] Khi có cuộc sống ổn định thì mới nghĩ được cho xã hội. Nhà mình chưa ổn định thì xã hội nghĩ làm sao tới được [...]. Vì người ta nghĩ thực tế bây giờ là trong nhà mình

có ẩm thì ở ngoài mới êm. Bây giờ trong làng mình nhiều người khó khăn quá thì mình chỉ tập trung cho những người trong làng trước, rồi sau đó mới đi ra cộng đồng ngoài, phải gần gũi trước rồi mới xa sau.

(Chị Đ, Hội Nông dân thôn HH, xã NTHN)

[...] Theo mình hiểu thì đa số người miền Bắc nói chung và người khu vực mình nói riêng, riêng mình lĩnh vực từ thiện không bắt nguồn từ việc chính mà là cơ duyên bất kỳ, lúc nào cũng có thể trở dậy chứ đó không phải là một công việc thường xuyên. Chúng tôi còn phải làm việc để xây dựng gia đình riêng, lo cho con cái chứ cứ suốt ngày đi làm từ thiện như vậy thì mất khá nhiều thời gian, chưa nói tới là công sức, tiền bạc.

(Anh V, 1981, thôn HH, xã NTHN)

Tuy nhiên, không phải người dân Bắc Bộ không chú trọng đến việc làm từ thiện mà do văn hóa gia đình, dòng họ và làng xã ở Bắc Bộ khá chặt chẽ và có tính tương trợ mạnh cho nên văn hóa từ thiện của Bắc Bộ không nổi bật như Nam Bộ. Các cộng đồng nông thôn ở Bắc Bộ, trong đó có xã NTHN, hệ thống trợ giúp mang tính phi quan phương được tổ chức một cách rõ ràng, chặt chẽ thông qua các hội nhóm như Đồng Niên, Đồng Hội, Hàng Ngõ, Đồng Hương, và nhiều quỹ trợ giúp được lập trong thân tộc. Những khoản trợ giúp (tặng không) dành cho các thành viên trong hội không bao hàm ý nghĩa từ thiện. Bởi vì, sự trao đổi này mang tính chất tương trợ lẫn nhau, có qua có lại mà người dân thường gọi là “chơi hội” (Lương Hồng Quang, 2019).

Trong quá trình điền dã ở Hà Nội, chúng tôi nhận thấy, trong cộng đồng dường như không ai muốn nhận sự trợ giúp mang tính tặng-không/từ thiện cả vì nó liên quan đến thể diện của gia đình như cách mà Tessier (2010) đã nhận định. Vì vậy, những gia đình khó khăn ở khu vực nông thôn Bắc Bộ hiếm khi tự chủ động nhờ sự giúp đỡ mang tính tặng-không/từ thiện. Ngược lại, khi muốn trợ giúp ai đó người ta cũng phải hỏi ý kiến người đó có đồng ý hay không mới thực hiện kêu gọi trong cộng đồng. Điều này cho thấy, người nhận luôn có tâm lý e ngại mối quan hệ trao đổi không tương xứng của tặng-không/từ thiện. Ngược lại, người dân lại sẵn sàng hơn trong các mối quan hệ cộng cảm, mang tính chất trợ giúp có qua có lại. Vì vậy, ở Bắc Bộ phạm trù từ thiện không được phổ biến, thay vào đó phạm trù trợ giúp, tương trợ nổi bật hơn. Trong khi đó, do đặc thù về lịch sử hình thành cũng như địa lý, những nét đặc trưng của văn hóa làng Bắc Bộ không thể hiện diện được trong không gian làng Nam Bộ. Làng ở Nam Bộ không hoặc tồn tại rất ít những tổ chức phi quan phương như nói trên ở làng ở Bắc Bộ. Điều này có thể liên quan đến lịch sử khẩn hoang của những lưu dân có đời sống không lệ thuộc quá nhiều vào làng, họ di chuyển khá tự do, không ổn định (Ngô Văn Lệ, 2010). Do đó, những quy ước trong việc tương trợ có qua có lại

trong nội bộ làng xã đối với người dân Nam Bộ có phần không chặt chẽ như ở Bắc Bộ. Đồng thời, do đặc tính di động, không ổn định về mặt cư trú nên người dân Nam Bộ dễ dàng chấp nhận sự trợ giúp không nhận lại (từ thiện) hơn.

3.2.2. Yếu tố học vấn và thu nhập

Nhiều nghiên cứu trước đây chỉ ra rằng trình độ học vấn của các cá nhân có mối quan hệ tích cực và đáng kể với khả năng và số lượng hoạt động từ thiện (Havens và cộng sự, 2007; Bekkers & Wiepking, 2011). Tương tự, khảo sát của chúng tôi cũng cho thấy khi so sánh với trình độ học vấn thấp nhất (cấp 1 và mù chữ), thì những người có trình độ học vấn đại học và cao hơn có đóng góp cho từ thiện nhiều hơn (2,14 lần) (Bảng 5), tuy nhiên nếu so sánh ở các cấp học khác như cấp 2 và cấp 3 thì không có sự khác biệt.

Bên cạnh đó, dữ liệu khảo sát cũng chỉ ra rằng khi so sánh với những người thuộc nhóm thu nhập thấp nhất thì nhóm thu nhập trung bình và nhóm thu nhập cao nhất có đóng góp từ thiện cao hơn (1,69 lần nhóm trung bình và 2,06 lần nhóm cao nhất) (Bảng 5). Kết quả nghiên cứu này trùng hợp với các nghiên cứu trước đây, cho rằng thu nhập cao hơn sẽ đóng góp từ thiện cao hơn (Schervish, 2005). Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của chúng tôi không ủng hộ quan điểm cho rằng người nghèo nhất và người giàu nhất được cho là có tỷ lệ cho đi cao hơn những người có thu

nhập ở khoảng giữa (Jencks, 1987; Havens và cộng sự, 2007). Do đó, mặc dù các nghiên cứu khẳng định rằng người giàu cho đi nhiều hơn nhưng vẫn tồn tại một cuộc tranh luận lâu dài về sự tồn tại của một đường cong hình chữ U giữa thu nhập và khả năng cho đi. Về mối quan hệ giữa học vấn và thu nhập của những người cho đi, nhiều nghiên cứu chỉ ra học vấn càng cao thì thu nhập càng cao, do đó, thu nhập và học vấn thường đi cùng một chiều trong tác động đến việc làm từ thiện.

3.2.3. Yếu tố giới

Ở góc độ giới, mặc dù có niềm tin chung rằng phụ nữ thuộc phái yếu, dễ có cảm xúc và dễ đồng cảm trước sự đau khổ hơn nam giới, do đó nữ giới cho đi nhiều hơn nam giới. Các nghiên cứu học thuật đã chỉ ra rằng, khi các yếu tố khác được kiểm soát thì không có sự khác biệt nào tồn tại giữa nam và nữ về việc cho đi (Barman, 2017). Tuy nhiên, từ dữ liệu nghiên cứu này, sau khi kiểm soát các biến số độc lập khác, cho thấy nữ giới làm từ thiện cao hơn nam giới 1,86 lần. Kết quả này, ngoài việc được giải thích rằng nữ giới dễ xúc cảm hơn nam giới thì mặt khác trong văn hóa Việt Nam, phụ nữ là người giữ tiền cho các khoản chi tiêu trong gia đình cho nên họ dễ dàng cho đi hơn hoặc nếu gia đình có quyết định làm từ thiện thì họ cũng chính là những người chủ động trong việc chi tiêu. Hơn nữa, phụ nữ là người quán xuyến những công việc trong gia đình,

chăm sóc và quan tâm đến con cái nên họ có xu hướng làm từ thiện để tích đức cho con cái nhiều hơn. Đồng thời, nữ giới cũng thường là đối tượng tham gia vào các đạo tràng (của Phật giáo) nên có niềm tin về luật nhân quả nhiều hơn.

3.2.4. Yếu tố tôn giáo

Tôn giáo là một trong những yếu tố dự đoán quan trọng nhất về khả năng tham gia hoạt động từ thiện. Những người tham gia các buổi lễ tôn giáo có nhiều khả năng quyên góp hơn, cho cả mục đích tôn giáo và phi tôn giáo (Wuthnow, 1991; Adloff, 2009). Kết quả khảo sát cho thấy những người có niềm tin tôn giáo có cho đi cao hơn 2,09 lần những người không có niềm tin tôn giáo (Bảng 5). Các tôn giáo ở Việt Nam, tinh thần từ thiện phát triển rất cao, trong đó PGHH, từ thiện là một trong những mục tiêu trong triết lý của tôn giáo này. Đối với PGHH, hoạt động từ thiện xã hội được Giáo hội của một số địa phương xác định là một trong bốn trọng tâm chính bên cạnh các trọng tâm khác là kiện toàn tổ chức, phát huy nỗ lực, vấn đề đạo sự kiểm soát - đạo sự lưu truyền. Triết lý của PGHH xem mỗi cá nhân là một nhân tố quan trọng trong xã hội, có mối quan hệ chặt chẽ và không tách rời cộng đồng, do đó mỗi cá nhân cần xác định vai trò và trách nhiệm của bản thân để phụng sự cho xã hội. Tứ đại trọng ân của PGHH bao gồm ân tổ tiên cha mẹ, ân đất nước, ân đồng bào nhân loại và ân tam bảo. Do đó,

từ thiện xã hội là việc làm tích cực thể hiện giá trị đạo đức và văn hóa của dân tộc. Nghiên cứu của Võ Duy Thanh (2022: 116) về từ thiện xã hội của tín đồ PGHH ở Đồng bằng sông Cửu Long với nhiều sáng kiến phong phú đạt hiệu quả như dịch vụ xe cứu thương chuyển bệnh nhân nghèo, phát triển hạ tầng giao thông nông thôn, xây nhà cho người nghèo, thành lập những bếp ăn từ thiện tại các bệnh viện và trường học, tổ chức các nhà thuốc Nam từ thiện, đóng góp quỹ hỗ trợ người nghèo, quỹ khuyến học, cứu trợ thiên tai... trong tổng số hơn 20 hoạt động từ thiện xã hội của PGHH rộng khắp vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. An Giang là nơi mà PGHH phát triển mạnh nhất, do đó các hoạt động từ thiện rất sôi nổi hay nói cách khác tinh thần thiện nguyện của người dân nơi đây nhìn chung rất cao. Khi hỏi chuyện một vị Trưởng ban Trị sự PGHH tại xã NTAG, ông cho rằng:

[...] Nội dung nói về mục đích của PGHH thì điều cơ bản là dạy con trong gia đình có tứ đại trọng ân, ơn tổ tiên cha mẹ dạy con cháu phải biết hiếu thảo, phải biết tôn trọng ông bà cha mẹ, biết tôn trọng những người lớn tuổi, phải biết nhường nhịn thương yêu nhau trong vấn đề tình làng nghĩa xóm. Thêm vào đó là phải giữ chay lạt, cúng, phải biết vấn đề giới luật của đạo, phải học rõ ràng. Dạy con từ lúc còn nhỏ. PGHH tốt lắm, bồi dưỡng, đắp lộ, bắc cầu từ thiện, cứu thương, phát cơm từ thiện ở nhà thương... cũng là của PGHH.

(Đại diện ban Trị sự PHHH, xã NTAG)

Có thể nói, khi đến An Giang, chúng ta thấy được bầu không khí hoạt động từ thiện ở nơi đây diễn ra rất sôi nổi và dường như là công việc thường nhật của tín đồ PGHH và cả những người không phải là tín đồ PGHH. Trưởng Ban trị sự Giáo hội PGHH ở xã NTAG cho biết: “ở đây có một cái là nguồn kinh phí khó khăn lắm, đa số mình nhờ vào xã hội hóa là nhiều, nhờ vào vấn đề tinh thần của anh, chị, em trong đạo, ngoài đạo (ngoài đời) người ta nhiệt tình hỗ trợ cho mình”.

[...] Cụ thể trong năm 2020, có nhiều người làm từ thiện bằng mọi phương thức chứ không phải riêng chăm lo cho người nghèo. Thí dụ như cho tiền để mua xe cứu thương cũng là người con xã này làm ăn thành đạt ở Sài Gòn. Một số bác sĩ ở Sài Gòn, cũng là người con của xã này, thì họ không hỗ trợ địa phương trực tiếp, như bác sĩ U thì hỗ trợ về giáo dục còn bác sĩ T thì hỗ trợ những mặt khác như chăm lo về sức khỏe. Nói chung người con thành đạt gửi cho hộ nghèo quà cáp, và tạo mọi điều kiện hỗ trợ cho người nghèo. Ở ấp TT (xã NTAG) cũng có người anh tuy làm ra tiền không nhiều nhưng ảnh vận động được chỗ làm, cũng cho được 2, 3 căn nhà, mỗi căn là 50 triệu, rồi quà cáp này kia cũng nhiều. Mấy năm về trước có ông anh đó cũng siêng đóng góp cho việc tiếp bước đến trường là cho sách vở... về giáo dục ảnh cho rất nhiều. Người ta muốn từ thiện mảng nào thì cho mảng đó.

(Đại diện Mặt trận Tổ quốc xã NTAG).

3.2.5. Yếu tố về định nghĩa từ thiện và lĩnh vực quan tâm

Dữ liệu trong nghiên cứu này cũng cho thấy có sự khác nhau trong việc đóng góp từ thiện giữa những nhóm người có cách định nghĩa về từ thiện

khác nhau, cũng như có quan tâm đến các lĩnh vực khác nhau. Cụ thể, đối với những cá nhân định nghĩa từ thiện chỉ là các đóng góp trực tiếp sẽ cho rằng mình tham gia từ thiện thấp hơn so với những nhóm có cách định nghĩa đa dạng hơn bao gồm cả các hình thức tham gia gián tiếp, hỗ trợ phi vật chất. Tiếp đến những cá nhân có thiên hướng quan tâm đến lĩnh vực xã hội nhiều hơn cũng đồng nghĩa có sự thu hút hơn đối với việc đóng góp từ thiện.

Trong bối cảnh hiện nay, tuy quan điểm về hoạt động từ thiện đã được phát triển và mở rộng hơn rất nhiều (điều này đã được đề cập trong phần định nghĩa) từ những hành động hiến tặng trực tiếp cho đến tinh thần, thời gian hơn nữa là những hành động truyền cảm hứng, ủng hộ các giá trị tốt đẹp như hành động vì nhân quyền, bảo vệ môi trường,... Quan điểm này làm cho việc tham gia các hoạt động từ thiện xã hội của người dân không còn hạn hẹp trong phạm vi của những hoạt động trao tặng trực tiếp giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt phải có tính quy mô. Tuy nhiên, đây vẫn là hành động được nhắc đến trước và chiếm phần đông nhất (95,2%) trong ấn tượng của người dân khi định hình về hoạt động từ thiện.

Bên cạnh đó, trong quá trình điền dã tại các cộng đồng, đặc biệt là khu vực TPHCM và An Giang là hai địa bàn mà chúng tôi nhận được những lời khước từ rằng “tôi không làm từ thiện” nhiều nhất. Đặc biệt là An Giang mặc

dù nơi đây được biết là địa phương có văn hóa từ thiện rất đặc trưng. Điển hình là các phòng trà từ thiện của các tín đồ PGHH. Trong khi, ngồi trò chuyện nhiều hơn chúng tôi ghi nhận được họ vẫn có các hoạt động cho tặng như:

[...] Tui đi đường tui gặp ai già, lẫn thì tui cho 5-10 ngàn vậy thôi hà, còn cái từ thiện thì tui không có từ thiện. Hoặc ai khổ hay gì đó mà xin thì cô có cô cho. Hồi còn trẻ thì lo mần mướn mần thuê nuôi con, con nó lớn hết rồi thì mình già rồi, lo mần nuôi con không chứ đâu có quan tâm đi làm từ thiện hay đi làm công quả.

(Chị T, sinh năm 1950, xã NTAG)

Đối với nhiều người thì phải cho đi như những trường hợp phát cơm, cháo hoặc đi làm công quả ở chùa, đình hoặc các cơ sở từ thiện như nhiều tín đồ PGHH đang thực hiện sôi nổi ở địa phương thì mới được gọi là từ thiện. Không chỉ có chị T, nhiều trường hợp khác ở An Giang khi chúng tôi tiếp xúc cũng quan niệm như thế. Họ là những người buôn bán, chạy xe ôm... đôi khi gặp những trường hợp khó khăn, lỡ đường họ sẵn lòng bán một tô cháo, một đĩa cơm, chở một cuốc xe ôm không lấy tiền nhưng họ cũng không gọi hành động này là từ thiện. Đối với họ, đơn giản vì nó quá nhỏ nhặt không đáng để gọi tên như thế. Tương tự, Bảo (sinh năm 2003, phường TTAG) từ nhỏ đã từng được chia sẻ nội tâm rằng từ thiện là những hành động cho đi ở quy mô tương đối, chứ không phải là những hành động tử tế hàng ngày.

Chúng ta phải thừa nhận rằng, từ thiện trong văn hóa Việt Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng, đặc biệt xét trong sự ảnh hưởng của tôn giáo thì nó là nét đẹp văn hóa, được mọi người tán dương. Chính vì vậy, ở góc độ nào đó một bộ phận người dân từ chối nhận về mình hai chữ từ thiện có thể được xem như là một sự khiêm tốn trước những tấm gương quá lớn, những hành động đáng khen tặng từ cá nhân và tổ chức từ thiện tại địa phương.

Riêng TPHCM là nơi thứ hai mà chúng tôi tiếp nhận được khá nhiều quan điểm tương tự. Điển hình ở Củ Chi, nhiều trường hợp như anh Q (sinh năm 1974), anh S (sinh năm 1968)... đều có đồng quan điểm không xem những đóng góp “nhỏ”, đơn lẻ của mình là từ thiện.

[...] Chú thì dạy nghề hớt tóc miễn phí cho thanh niên xã mình. Nhưng theo chú thì từ thiện là cái gì đó nó lớn hơn một chút, nó phải có tổ chức hơn một chút. Còn mình ở đây giống như mình làm cá nhân thôi, mình không có kêu gọi được ai, mình xuất phát từ cái tay nghề của mình nên mình làm được cái gì thì hay cái nấy. Cho nên nếu nói về từ thiện thì bản thân mình chưa đủ. Thứ nhất, bản thân chú chưa có đủ điều kiện để hỗ trợ hoàn toàn cho các bạn học viên về đồ nghề, chi phí khác,... Chú chưa có đủ trình độ để kêu gọi những người xung quanh cùng làm từ thiện thì chú nghĩ chú chưa đủ để gọi là từ thiện. Ví dụ như trẻ em vô học chỗ chú thì chú phải hỗ trợ nó được bộ đồ nghề cái đó mới được gọi là làm việc thiện hay từ thiện, còn cái này chú chỉ lấy những cái kiến thức mình có được từ

nghề tóc mình truyền đạt lại cho mấy em. Thì cái đó giống như mình làm một chút đỉnh việc gì đó thôi chứ cũng chưa gọi là từ thiện. Từ thiện là khi mình nhận em đó vô là mình phải bao luôn em đó để nó ra nghề từ cái kéo hay cái gì mà em đó thiếu trong vấn đề học thì mình hỗ trợ thì cái đó theo chú mới được gọi là từ thiện, còn chú thì chỉ hỗ trợ một chút xíu cái gì mà chú có, tay nghề mình có mình truyền đạt lại không lấy tiền công thôi.

(Anh Q, sinh năm 1974, xã NTPHCM)

Trong một xã hội dành nhiều sự khen tặng cho hành động cho đi (đặc biệt là những món quà vật chất) đâu đó người ta vô tình dành sự tập trung, quan tâm quá nhiều cho những mảnh thường quân, những khoản đóng góp lớn. Đó cũng là lý do khai sinh ra hàng loạt những danh hiệu nhà tài trợ (Kim Cương, Vàng, Bạc, Đồng...) được tính toán dựa trên chuẩn mực về số tiền mà một nhà tài trợ quyên góp. Chúng tôi tin rằng sự tập trung này có thể dẫn đến tình trạng e ngại và hạn chế sự cho đi của một bộ phận đông đảo dân cư chỉ có thể đóng góp ở mức trung bình/thấp.

[...] Cô ưa cái chương trình cuộc sống mến thương hay gì đó, tức là người nghèo giúp đỡ người nghèo. Thí dụ MC lên giới thiệu một cái tình huống của một gia đình nào đó, cái rồi hát. Hát đúng chủ đề gì đó thì được một số tiền rồi mới cho lại cho người nghèo đó. [...] Cái sự đóng góp nó cũng vừa sức mình. Có khi hát cũng dở nhưng mà họ vẫn mạnh dạn họ hát, mục tiêu là họ giúp đỡ cái đối tượng đó. [...] Ví dụ như giờ đây có ai tới mà vận động cô ủng hộ cái hoạt động đó 200 triệu đi, cô còn không có nữa lấy gì đâu

mà ủng hộ dù là mình thấy nó cũng có ích lợi. Cô thấy báo Sài Gòn Giải phóng hay gì mà có cái danh sách từ thiện thì cái đó nó dễ hơn. Đóng góp ít thôi mà nhiều người đóng góp, nhiều lắm, có cả em bé nữa, cả mấy em bé mà được cha mẹ hỗ trợ, thí dụ như bé gì năm chục ngàn, năm chục triệu, thì mình biết ngay bé đó không thể làm ra số tiền đó nhưng mà cha mẹ nó hỗ trợ nhưng mà lấy tên của nó là cô nghĩ là ý cha mẹ muốn nói là tôi đóng góp đó nhưng mà tôi dạy con tôi cách đó.

(Bà P, sinh năm 1950, phường TT
TPHCM)

Chưa kể đến, một số trường hợp chỉ xem hành động cho đi của mình chỉ là một sự trả ơn, chia sẻ và không muốn ràng buộc mình trong phạm vi của vòng từ thiện cho - nhận ít nhiều mang tính khập khiễng trong vị thế giữa con người với con người mà phần đông đang thực hiện.

[...] Từ lúc con tui còn nhỏ tui cũng khó khăn dữ lắm, nhưng rồi tui cũng vượt qua hết, người ta cũng giúp tui giống như tui giúp người ta bây giờ vậy đó, cô nói thật với con đó [...] Bởi vậy mà ai nói cô đi làm từ thiện là cô không có thích, chỉ là *chia sẻ nhau mà sống*.

(Bà S, sinh năm 1953, phường TTAG)

3.2.6. Tuổi tác trong tương quan với hành vi đóng góp từ thiện

Các nghiên cứu về từ thiện trước đây cũng từng nhấn mạnh đến xu hướng cá nhân có nhiều khả năng cho đi hơn khi họ già đi (tuổi nghỉ hưu), mặc dù các học giả chưa làm rõ liệu mô hình như vậy là kết quả của nỗ lực theo nhóm khi sinh hay chính tuổi tác (Jencks 1987, Bekkers & Wiepking

2011). Tuy nhiên, trong dữ liệu nghiên cứu của chúng tôi đã giải thích tuổi tác không có tác động đến việc quyên góp từ thiện. Vì chúng tôi nhận diện được trong văn hóa của Việt Nam, hành vi từ thiện có phần mang thiên hướng bẩm sinh hoặc đã được truyền dạy, nội tâm hóa ngay từ nhỏ.

Trong suốt quá trình điền dã, chúng tôi đã tiếp xúc 560 gia đình từ Bắc đến Nam, hơn 90% trong số họ cho rằng cần có sự khuyến khích đối với các thế hệ tiếp theo để tinh thần làm thiện nguyện được duy trì và phát triển. Đặc biệt, đối với những gia đình thường xuyên tổ chức hoạt động từ thiện họ luôn có niềm tin rằng cho dù xã hội có thay đổi như thế nào thì thế hệ con cháu họ sẽ tiếp tục công việc từ thiện, giống như họ đã từng là thế hệ truyền thừa từ cha, mẹ ông bà trước đó. Hay nói ngược lại, gia đình luôn là nơi mà mỗi cá nhân luôn nhắc đến đầu tiên trong câu chuyện hình thành nên ý thức về sự cho đi. Chính vì vậy, việc làm từ thiện cứ thế tiếp nối và không có sự khác biệt về mặt tuổi tác quá nhiều trong bối cảnh xã hội Việt Nam.

Đồng thời, kết quả không khác biệt về lứa tuổi trong việc đóng góp từ thiện còn được giải thích bởi bối cảnh xã hội, giới trẻ ngày nay có điều kiện tiếp cận các công nghệ thông tin, tiếp cận nhiều thông tin từ thiện xã hội sớm hơn cho nên có nhiều sự quan tâm đến từ thiện sớm hơn các thế hệ trước.

[...] L nghĩ một phần là do công nghệ, thời L đi học thì nó không có phát triển như bây giờ, mình lúc còn học cấp 2 - cấp 3 thì đất nước cũng đang phát triển, còn bây giờ Việt Nam mình cũng là một quốc gia phát triển ở Châu Á (ASEAN), [...] L đây tiếp xúc với một bạn chỉ lớp 4 - lớp 5 thôi, là khách hàng của mình, lúc mà mua hàng, trong quá trình nói chuyện với người ta thì vô tình các bạn cũng nói là “Cháu mang sách, vở còn thừa lại mang về cho các bạn”. Tự nhiên L thấy các bạn trẻ bây giờ tiếp cận được thông tin rất là sớm, may mắn là các bạn được giáo dục tốt. Rồi L ngày xưa thì trẻ con đúng nghĩa, không có nghĩ đến từ thiện, chưa bao giờ có một khái niệm từ thiện trong đầu thật sự luôn. Lúc đó L cứ nghĩ một là ăn, hai là học, học làm sao xong rồi để đi ra ngoài.

(L, sinh năm 1994, phường TTHN)

3.3. Các yếu tố tác động – phân tích theo vùng miền

Nhìn ở mô hình hồi quy chung, nghiên cứu đã xác định được các yếu tố chính ảnh hưởng đến quyết định cho đi của cá nhân như vùng miền, trình độ học vấn, giới, nhóm thu nhập... đặc biệt là niềm tin tôn giáo. Tuy nhiên, khi phân tích mô hình cho từng địa phương riêng biệt thì các yếu tố ảnh hưởng này có nhiều sự chuyển dịch khác nhau (Bảng 6 và Bảng 7).

Trong đó, mô hình hồi quy ở An Giang cho thấy có sự chi phối của yếu tố nhóm thu nhập và trình độ học vấn, nhưng ở Hà Nội chỉ ghi nhận được sự chi phối của yếu tố giới, tính cách cá nhân (âm thầm/công khai), và Quảng Bình chỉ ghi nhận được sự ảnh hưởng yếu tố định nghĩa về từ thiện và lĩnh vực quan tâm (kinh tế/xã hội).

Đặc biệt, chỉ riêng ở TPHCM dữ liệu mới ghi nhận được sự chi phối của yếu tố tôn giáo. Đây là điểm thú vị mà cũng là điểm nhấn trong nghiên cứu này khi các yếu tố ảnh hưởng không chỉ được xem xét một cách độc lập ở bình diện chung cả nước mà còn được đặt trong bối cảnh của các lớp văn hóa khác nhau. An Giang như phân tích bên trên, rõ ràng tôn giáo đã ảnh hưởng rất mạnh đến việc làm từ thiện trong cộng đồng này. Tuy nhiên, sự phát triển, phổ biến của tôn giáo ở An Giang đã làm cho văn hóa từ thiện của nơi đây được lan tỏa ra cho toàn cộng đồng. Do đó, không có sự khác biệt trong hành vi đóng góp từ thiện bởi người theo tôn giáo và người không theo tôn giáo ở địa phương. Ngược lại, ở Hà Nội và Quảng Bình, yếu tố tôn giáo không có ảnh hưởng đến việc làm từ thiện do đối tượng được khảo sát ở hai địa phương này phần lớn không theo tôn giáo và sức ảnh hưởng của tôn giáo ở các nơi này đối với hoạt động từ thiện chưa đủ lớn để có sự khác biệt. Dữ liệu định tính ở Hà Nội và Quảng Bình, đặc biệt là Hà Nội, cũng cho thấy, những cơ sở tôn giáo ở các nơi này như chùa chỉ là nơi để sinh hoạt cộng đồng của những người lớn tuổi, đặc biệt là nữ giới sau 50 tuổi chứ không phải là nơi sinh

hoạt thuần túy tôn giáo và ít hoạt động về từ thiện.

[...] Ở đây chùa thì có nhưng mà tổ chức ở nhà chùa thì chỉ có các cụ già đi lễ chùa. Chùa trước đây là không có hoạt động từ thiện, chỉ có lễ Phật, có các cụ già đến tuổi thì vào quy y, đi lễ chùa thế thôi. Rồi ví dụ nhiều ít thì chỉ có bỏ hòm công đức để xây dựng chùa, chứ còn không có từ thiện ra trong dân đầu. Khi có đạo tràng mà các thầy từ trong miền Nam ra thuyết giảng thì có các bạn trẻ mới hoạt động từ thiện, còn các cụ già thì chỉ có đi lễ thôi. Đúng là từ khi có đạo tràng thì mới có hoạt động từ thiện.

(Nhóm Tâm Thiện, TTHN)

Theo số liệu từ cuộc khảo sát năm 2022, TPHCM với số lượng người có niềm tin tôn giáo tín ngưỡng là 66,4%. Hoạt động từ thiện xuất phát từ những tín đồ tôn giáo ở TPHCM chiếm ưu thế. Cụ thể, ở Củ Chi những cá nhân/tổ chức hoạt động từ thiện mà nhóm nghiên cứu được giới thiệu hầu hết đều là Phật tử. Tuy nhiên, với đặc điểm dân cư đa dạng và tính kết nối cộng đồng không quá chặt chẽ, các hoạt động từ thiện của nhóm tín đồ tôn giáo chưa thể lan tỏa ra cộng đồng nhiều mà chỉ có ảnh hưởng trong nội bộ các nhóm tôn giáo. Chính vì vậy mà khoảng cách đóng góp từ thiện giữa người có niềm tin tôn giáo và người không có niềm tin tôn giáo ở TPHCM là rất lớn (5,40 lần).

Bảng 6. Mô hình hồi quy binary logistic xem xét các yếu tố đối với tỷ suất có hay không đóng góp từ thiện trong một năm (An Giang và TPHCM)

	An Giang		TPHCM	
	Exp(B)	Sig,	Exp(B)	Sig,
Thành thị - nông thôn	,908	,801	2,392	,059
Cấp 2	,837	,685	1,395	,589

Cấp 3	3,530	,035	1,841	,310
Cấp 3 và trên	NĐC	NĐC	NĐC	NĐC
Giới	1,154	,716	2,141	,070
Nhóm thu nhập trung bình	3,177	,015	,970	,950
Nhóm thu nhập cao nhất	4,413	,022	1,553	,407
Nhóm thu nhập thấp nhất	NĐC	NĐC	NĐC	NĐC
Nhóm tuổi 31-59	1,726	,338	,439	,221
Nhóm tuổi 60+	1,670	,407	,539	,395
Nhóm tuổi 16-30	NĐC	NĐC	NĐC	NĐC
Niềm tin tôn giáo	1,348	,734	5,407	,001
Lãnh đạo	1,329	,793	1,675	,557
Nhân viên	,855	,835	4,222	,065
Lao động phổ thông/nông dân	,870	,805	1,209	,790
Không việc làm	,551	,324	1,697	,460
Buôn bán dịch vụ	NĐC	NĐC	NĐC	NĐC
Gián tiếp	2,680	,077	1,694	,335
Tinh thần	3,212	,099	2,366	,144
Trực tiếp	NĐC	NĐC	NĐC	NĐC
Kinh tế/xã hội	1,234	,655	3,392	,013
Âm thầm/công khai	,977	,952	1,276	,548
Dự phòng/làm từ thiện	,774	,495	,940	,882
	N=183 Cox & Snell R Square=0,167 Nagelkerke R Square= 0,239		N=162 Cox & Snell R Square=0,225 Nagelkerke R Square = 0,311	

Nguồn: Số liệu khảo sát năm 2022.

Bảng 7. Mô hình hồi quy binary logistic xem xét các yếu tố đối với tỷ suất có hay không đóng góp từ thiện trong một năm (Hà Nội và Quảng Bình)

	Hà Nội		Quảng Bình	
	Exp(B)	Sig,	Exp(B)	Sig,
Thành thị - nông thôn	,574	,154	1,361	,435
Cấp 2	1,123	,879	1,974	,379
Cấp 3	1,768	,442	2,581	,244
Cấp 3 và trên	NĐC	NĐC	NĐC	NĐC
Giới	2,269	,039	2,091	,062
Nhóm thu nhập trung bình	1,202	,734	1,513	,344
Nhóm thu nhập cao nhất	1,733	,309	2,127	,204
Nhóm thu nhập thấp nhất	NĐC	NĐC	NĐC	NĐC
Nhóm tuổi 31-59	,591	,434	,500	,282
Nhóm tuổi 60+	,406	,242	,533	,358
Nhóm tuổi 16-30	NĐC	NĐC	NĐC	NĐC

Niềm tin tôn giáo	1,244	,619	1,625	,405
Lãnh đạo	,626	,432	,831	,806
Nhân viên	,736	,618	,837	,818
Lao động phổ thông/nông dân	,978	,973	,507	,313
Không việc làm	1,073	,920	,622	,487
Buôn bán dịch vụ	NĐC	NĐC	NĐC	NĐC
Gián tiếp	1,595	,323	1,991	,174
Tinh thần	,917	,858	3,507	,007
Trực tiếp	NĐC	NĐC	NĐC	NĐC
Kinh tế/xã hội	,750	,497	2,610	,026
Âm thầm/công khai	2,134	,045	1,195	,638
Dự phòng/làm từ thiện	,786	,546	,620	,245
	N=164 Cox & Snell R Square=0,151 Nagelkerke R Square=0,203		N=162 Cox & Snell R Square=0,180 Nagelkerke R Square=0,241	

Nguồn: Số liệu khảo sát năm 2022.

4. KẾT LUẬN

Người Việt Nam có một tinh thần sẵn lòng đóng góp từ thiện và chúng được thúc đẩy bởi các yếu tố như vùng miền, giới, nhóm thu nhập và thiên hướng cá nhân, tôn giáo. Tuy nhiên, mỗi vùng miền có một đặc trưng khác nhau về các yếu tố tác động đến sự đóng góp từ thiện. Bắc Bộ, Trung Bộ với lối sống cộng đồng, làng mạc đã định hình nên một cấu trúc xã hội với sự chi phối của nhiều định chế chính thức, phi chính thức đã âm cho văn hóa cho đi được gói gọn trong phạm vi của sự tương trợ, cộng cảm của những thành viên trong các tổ chức phi quan phương, hay chỉ đóng góp qua các khoản được huy động từ địa

phương. Bên cạnh đó, lối sống đặc trưng của người dân miền Trung phải chịu nhiều biến cố về mặt thiên tai cũng làm cho từ thiện không được phát triển rộng rãi trong cộng đồng. Tuy nhiên, trong những năm gần đây bối cảnh từ thiện của Trung Bộ, Bắc Bộ đã có nhiều thay đổi với sự gia tăng và mở rộng của các nhóm từ thiện tự phát. Riêng đối với Nam Bộ, tuy cũng có những quy ước, biểu tượng nhất định về sự tương trợ nhưng nó không quá chặt chẽ như các cộng đồng Bắc Bộ hay Trung Bộ. Điều này làm cho từ thiện trở thành một câu chuyện của từng cá nhân, gia đình. Họ có phần chủ động hơn trong cách mình cho đi (tự làm hoặc làm theo nhóm tùy theo mỗi cá nhân). □

CHÚ THÍCH

(1) Đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học giữa Quỹ Từ thiện Kim Oanh và Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, do TS. Nguyễn Thị Nhung làm chủ nhiệm, Viện Khoa học xã hội vùng

Nam Bộ là cơ quan chủ trì. Quỹ Từ thiện Kim Oanh tài trợ toàn bộ kinh phí cho nghiên cứu này.

(2) Là khoảng lấy mẫu phụ thuộc vào kích thước của tổng thể và số lượng các đơn vị trong mẫu. Nếu tổng thể có 10.000 người và bạn lấy mẫu 400 người, thì sau khi có khung mẫu (danh sách của 10.000 tên) bạn cần lấy từng người thứ 25 cách đều ($400 \times 25 = 10.000$) để chắc chắn rằng mỗi người có ít nhất một cơ hội được chọn (Bernard, 2007: 86).

(3) Tên các phường/xã đã được mã hóa, trong đó NT là 'nông thôn', TT là 'thành thị', các chữ cái tiếp theo là viết tắt của chữ cái đầu tiên của tên tỉnh/thành.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Adloff, F. 2009. "What Encourages Charitable Giving and Philanthropy?". *Ageing Soc.* 29, pp. 1185-1205.
2. Barman, E. 2017. "The Social Bases of Philanthropy". *Annual Review of Sociology*, 43(1), pp. 271-290. doi:10.1146/annurev-soc-060116-053524
3. Bekkers, R. & Wiepking, P. 2010. "A Literature Review of Empirical Studies of Philanthropy". *Nonprofit and Voluntary Sector Quarterly*, 40(5), pp. 924-973. doi:10.1177/0899764010380927
4. Bernard, R. 2007. *Các phương pháp nghiên cứu trong nhân học: tiếp cận định tính và định lượng* (Hoàng Trọng, Ngô Thị Phương Lan, Trương Thị Thu Hằng dịch). Nxb. Đại học Quốc gia TP HCM.
5. Havens, J.J.; O'Herlihy, M.A.; Schervish, P.G. 2007. "Charitable Giving: How much, by Whom, to What, and How?", In *The Nonprofit Sector: A Research Handbook*, Eds. W.W. Powell & R.S. Steinberg, pp. 542-567. New Haven: Yale Univ. Press.
6. HDPF. 2020. *Báo cáo thực tiễn hệ sinh thái thiện nguyện tại Việt Nam*.
7. Jencks, C. 1987. "Who Gives to What?", In *The Nonprofit Sector: A Research Handbook*, Ed. W.W. Powell, pp. 321-339. New Haven: Yale Univ. Press.
8. Lương Hồng Quang. 2019. "Các tổ chức phi quan phương trong làng - xã vùng châu thổ Bắc Bộ (trường hợp Hội đồng niên)", trong Lương Văn Hy, Ngô Văn Lệ, Nguyễn Văn Tiệp, Phan Thị Yến Tuyết (đồng chủ biên) *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học (tái bản lần thứ nhất có sửa chữa và bổ sung)*. TP HCM: Đại học Quốc gia TP HCM, tr. 261-300.
9. Ngô Văn Lệ. 2010. "Làng và quan hệ dòng họ của người Việt Nam Bộ", trong Lương Văn Hy, Ngô Văn Lệ, Nguyễn Văn Tiệp, Phan Thị Yến Tuyết (đồng chủ biên) *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học*. TP HCM: Đại học Quốc gia TP HCM, tr. 330-347.
10. Nguyen, Phuong Anh & D.R.H. Doan. 2015. "Giving in Vietnam: A Nascent Third Sector with Potential for Growth", in P. Wiepking et al. (eds.), *The Palgrave Handbook of Global Philanthropy*. Palgrave Macmillan, a Division of Nature America Inc.
11. Phan Đại Doãn. 2008. *Làng xã Việt Nam: Kinh tế - văn hóa - xã hội*. Hà Nội: Khoa học Xã hội, 278 trang.

12. Schervish, P.G. 2005. "Major Donors, Major Motives: the People and Purposes Behind Major Gifts". *New Dir.Philanthr. Fundrais.* 47, pp. 59-87.
13. Sokolowski, S.W. 1996. "Show me the Way to the Next Worthy Deed: Towards a Microstructural Theory of Volunteering and Giving. *VOLUNTAS*, 7, pp. 259-278.
14. Tessier. 2010. "Giúp đỡ" và tương trợ trong cộng đồng làng quê ở miền Bắc Việt Nam: Quan hệ giữa tình đoàn kết và sự phụ thuộc, trong Lương Văn Hy, Ngô Văn Lệ, Nguyễn Văn Tiệp, Phan Thị Yến Tuyết (đồng chủ biên) *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học*. TPHCM: Đại học Quốc gia TPHCM, tr. 347-376.
15. Trần Từ. 1984. *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ*. Hà Nội: Khoa học Xã hội, 168 trang.
16. Wuthnow, R. 1991. *Acts of Compassion*. Princeton, NJ: Princeton Univ. Press.